

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. **Đọc – hiểu:** Các văn bản thuộc thể loại Văn bản nghị luận, Truyện thơ dân gian, Bi kịch.

2. **Viết: Nghị luận xã hội**

- Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

II. CẤU TRÚC ĐỀ

1. **Thời gian làm bài :** 90 phút.

2. **Hình thức: tự luận.**

a. **Đọc - hiểu (6.0 điểm):**

- Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa: Các văn bản thuộc thể loại Văn bản nghị luận, Truyện thơ dân gian, Bi kịch.

- Gồm 06 câu:

+ Nhận biết: 02 câu

+ Thông hiểu: 03 câu

+ Vận dụng: 01 câu

- Một số kiến thức Tiếng Việt: *Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc thông thường; Lỗi về thành phần câu và cách sửa.*

b. **Viết (4.0 điểm):**

Vận dụng kỹ năng làm bài văn nghị luận:

- Dạng đề: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

- Yêu cầu cần đạt:

+ Nêu được vấn đề thực sự có ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống hoặc hướng đến việc hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại.

+ Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề bàn luận; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, thích hợp, đầy đủ.

+ Nêu được ý kiến về vấn đề bàn luận từ một góc nhìn khác nhằm củng cố lập luận của bài viết.

+ Rút ra được ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề

III. MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ

1. Ma trận

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc – hiểu	- Văn bản nghị luận - Truyện thơ dân gian - Bi kịch	2 (15%)	3 (30%)	1 (15%)	60
2	Viết	- Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	1* (10%)	1* (15%)	1* (15%)	40

Tỉ lệ%			25%	45%	30%	100
Tổng			70%		30%	

2. Bảng đặc tả các mức độ kiểm tra, đánh giá cuối kì I – Môn Ngữ văn, lớp 11

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản. - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản. - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản. - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản. - Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản. - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản. - Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận. - Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản. - Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà 	2 câu	3 câu	1 câu

			văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản.			
	Truyện thơ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong truyện thơ. - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất) trong truyện thơ. - Nhận biết được ngôn ngữ độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm và bút pháp miêu tả trong truyện thơ. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ. - Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong truyện thơ. - Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa trong truyện thơ. - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhân văn, triết lí nhân sinh từ truyện thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ. - Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận 				

		<p>xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của truyện thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các văn bản truyện thơ. 			
	Bi kịch	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đề tài, cốt truyện, nhân vật, hệ thống nhân vật trong bi kịch. - Nhận biết được mâu thuẫn, xung đột kịch trong bi kịch. - Nhận biết lời thoại, lời chỉ dẫn sân khấu và hành động của nhân vật bi kịch. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong bi kịch. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các yếu tố như cốt truyện, xung đột (xung đột bên trong và xung đột bên ngoài), ngôn ngữ, hành động kịch và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Phân tích, đánh giá được đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật bi kịch; phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Nêu và lí giải được chủ đề; yếu tố “bi” hiệu ứng thanh lọc của bi kịch. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong văn bản; phát hiện và trình bày được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ vở kịch. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tác động của hiệu ứng thanh lọc trong bi kịch với bản thân. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản. - Đánh giá được tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của bản thân về văn học, cuộc sống. - Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để 			

			<p>đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được hai văn bản văn học kịch có cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau 			
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp 	1*	1*	1 câu TL

			dẫn cho bài viết.			
Tỉ lệ %				25%	45%	30%
Tỉ lệ chung				70%		30%

IV. ĐỀ MINH HỌA

TRƯỜNG THPT THANH KHÊ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I, NĂM HỌC 2024-2025

ĐỀ MINH HỌA

Môn: NGŨ VĂN 11

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(Lược dẫn: Ú Thềm là một chàng trai vô cùng tài giỏi, con trai của vua nước Chăm Pa. Khi tiêu diệt vua quý, Ú Thềm cứu được nàng Pho No Hoa, vốn là con gái nhà trời bị vua quý bắt giam. Hai người đem lòng yêu nhau, nhưng khi trên đường trở về Chăm Pa, nàng Pho No Hoa theo lệnh của vua Trời phải từ giã Ú Thềm để bay về thiên giới. Mất nàng Pho No Hoa, Ú Thềm vô cùng buồn bã. Rồi chàng buộc phải nghe lời vua cha, cưới người con gái khác làm vợ. Nàng Pho No Hoa ở trên trời, vì nhớ Ú Thềm, đã tìm cách đầu thai xuống hạ giới để làm vợ lẽ của chàng. Người vợ cả nổi cơn ghen, nhân lúc Ú Thềm đi đánh giặc phương xa, đã tìm mọi cách nói xấu Pho No Hoa với vua Chăm Pa, cho nàng là quý đội lột người. Vua cả tin, muốn đuổi nàng đi. Pho No Hoa buồn bã lại đành bay về trời. Ú Thềm trở về, biết chuyện, không quản gian khổ, quyết lên tận mừng Trời để tìm gặp lại Pho No Hoa. Tại đây, vua Trời đã đưa ra một loạt các thử thách để thử tài Ú Thềm, với điều kiện nếu chàng vượt qua được các thử thách đó thì sẽ cho hai người tiếp tục được sống bên nhau).

*Vua Trời phán: - “Con rể ta
Phải là người tài cao sức cả,
Ngươi thấy không, kia là phiến đá,
Nơi thiên đình ngồi bàn việc nước, việc dân.
Ngươi hãy dùng sức tự nâng,
Giơ lên cao cho mọi người trông thấy”.
Ú Thềm cúi đầu vái lạy,
Rút gươm thần gìn giữ lâu nay
Khoét vào tảng đá một lỗ tròn xoay
Giơ phiến đá lên thật cao mà chỉ dùng ngón út.
Mọi người đều thán phục,
Nhưng vua cha chưa tha,
Còn phán rằng:
- “Trước mặt kia núi xanh dựng cao thành dãy,
Ngươi quét bằng đi để nên rẫy nên nương,
Thế mới tỏ tài cao sức lớn”.*

[...]

Chàng giơ nỏ thần Chang,
Tên bay đi như sấm rền vang,
Cả dãy núi xanh đã bằng thành ruộng.

[...]

Vua trời quả là người ác thật,
Lại bắt chàng làm việc khó hơn:
“Nhà rộng, ruộng nhiều mà cửa đã cài then,
Khi gà gáy nửa đêm,
Phải tìm đúng ruộng Pho No Hoa mà đến,
Thì sẽ được nghĩa tình trọn vẹn,
Nếu không trời chẳng tha đâu”.
Giờ thì chàng thực sự buồn rầu,
Còn vua trời bỏ về nhà riêng nằm nghỉ.
Một mình chàng đứng khóc rên rỉ,
Thì may thay, canh ba, đom đóm bay tận đến nơi,
Nó nói lên tiếng người:
- “Sao chàng lại đứng đây mà khóc?”.
Chàng vội lau nước mắt,
Và nói hết mọi lời.
Đom đóm xin hút nước mắt lấy hơi,
Để dẫn chàng đến nơi nàng ở.
Giữa đêm khuya có ai mở cửa,
Nàng đốt nến lên, tay vội cầm tay.
Tủi tủi mừng mừng nhìn nhau đến ngất ngây.

(Trích *Ú Thềm*, truyện thơ dân gian dân tộc Thái, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 40, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr.749-752) Chú thích không thấy có

Thực hiện các yêu cầu sau:

- Câu 1.** Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?
Câu 2. Câu chuyện trên được kể lại từ ngôi thứ mấy?
Câu 3. Tóm tắt ngắn gọn nội dung của đoạn trích.
Câu 4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu sau:

Chàng giơ nỏ thần Chang,
Tên bay đi như sấm rền vang,
Cả dãy núi xanh đã bằng thành ruộng.

Câu 5. Nhận xét về nhân vật Ú Thềm được thể hiện trong đoạn trích.

Câu 6. Từ đoạn trích trên, anh/chị có suy nghĩ gì về sức mạnh của tình yêu đôi lứa? (Trình bày từ 5-7 câu)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý nghĩa của sự tử tế trong cuộc sống.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

I	ĐỌC HIỂU	6.0
1	Nhân vật chính trong văn bản là: Ú Thềm.	0.75
2	Câu chuyện được kể lại từ ngôi thứ ba.	0.75
3	Tóm tắt ngắn gọn nội dung văn bản: Để tìm gặp lại nàng Pho No Hoa, Ú Thềm đã quyết định lặn lội lên tận nương Trời. Tại đây, vua Trời đã thử tài chàng bằng nhiều cách: bắt chàng phải nhấc nổi một phiến đá nặng, quét bằng các dây núi để làm nên nương rẫy, phải tìm đúng được căn phòng mà nàng Pho No Hoa đang ở. Bằng tài năng của mình, cộng với sự giúp đỡ của đàn đom đóm, cuối cùng Ú Thềm đã tìm gặp được nàng Pho No Hoa.	1.0
4	- Biện pháp tu từ: so sánh - Tác dụng: + Về nội dung: Nhấn mạnh sự nhanh nhẹn, tài trí và sức mạnh của nhân vật Ú Thềm. + Về nghệ thuật: Tăng sức gợi hình gợi cảm, tạo sự sinh động, hấp dẫn.	1.0
5	Nhận xét về hình tượng nhân vật Ú Thềm: - Ú Thềm là một chàng trai có tài năng và ý chí phi thường. Nhờ tài năng và ý chí đó mà chàng đã lên được tận nương Trời, vượt được qua các thử thách mà vua Trời đặt ra. - Ú Thềm là một chàng trai có trái tim yêu đương mãnh liệt, chung thủy. Để tìm lại nàng Pho No Hoa, chàng đã bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm, vượt qua mọi thử thách.	1.0
6	Học sinh tự đưa ra suy nghĩ của bản thân dựa trên việc đọc hiểu đoạn trích. Chú ý có lý giải. Gợi ý: Suy nghĩ về sức mạnh của tình yêu đôi lứa: - Tình yêu đôi lứa có thể giúp con người có động lực để phấn đấu, hoàn thiện bản thân và đạt được những mục tiêu cao đẹp trong cuộc sống. - Tình yêu đôi lứa có thể tạo thành sức mạnh để con người dũng cảm vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm. - Tình yêu đôi lứa làm cho con người trở nên tươi trẻ, yêu đời hơn,...	1.5
II	VIẾT	4.0
	a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. Hướng dẫn chấm: - Bài viết đầy đủ 3 phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài. Mở bài dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề, phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề, phần Kết bài khái quát được vấn đề: 0,25 điểm. - Chưa tổ chức bài văn thành 3 phần trên (thiếu mở bài hoặc kết bài, hoặc cả bài viết là 1 đoạn văn): 0 điểm.	0.25
	b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> ý nghĩa của sự tử tế trong cuộc sống Hướng dẫn chấm: - Bài viết đáp ứng đúng yêu cầu đề: 0.25 điểm. - Bài viết không đảm bảo yêu cầu đề: 0 điểm.	0.25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu sau:	2.5
	* Nêu vấn đề nghị luận: ý nghĩa của sự tử tế của con người trong cuộc sống hiện nay * Triển khai vấn đề cụ thể - Giải thích: Sự tử tế: tấm lòng lương thiện, phẩm chất tốt đẹp của con người, luôn hướng đến mọi người, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn, hoạn	

	<p>nan ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn luận vấn đề : Sự tử tế luôn cần thiết trong cuộc sống. + Sự tử tế giúp người gần người, tạo động lực niềm tin trong cuộc sống + Người sống tử tế luôn nhận được sự yêu thương kính trọng từ mọi người + Hành động tử tế, việc làm tử tế luôn tạo hiệu ứng tốt và có sức lan toả nhân rộng trong xã hội + Những hành động tử tế sẽ kéo giảm, đẩy lùi những tiêu cực, xấu xa trong cộng đồng,, góp phần vào sự văn minh, phát triển của xã hội,... <p>(HS kết hợp lí lẽ + bằng chứng để làm rõ vấn đề)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phản bác ý kiến trái chiều: Dùng lí lẽ và dẫn chứng để phản bác ý kiến cho rằng: Trong xã hội vẫn có không ít người có tính ích kỉ, nhỏ nhen, chỉ biết đến bản thân mình mà không cần suy nghĩ cho người khác, lại có những người vô cảm mặc kệ nỗi đau của đồng loại hay những kẻ cơ hội, thực dụng làm việc tử tế để trục lợi, đánh bóng tên,... vậy nên không cần phải sự tử tế trong cuộc sống này. <p>* Ý nghĩa của việc bàn luận.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống luận điểm phù hợp, rõ ràng, toàn diện, sâu sắc, logic và được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng xác thực, tiêu biểu phong phú: 2.5 điểm - Hệ thống luận điểm tương đối phù hợp, rõ ràng và hầu hết được chứng minh bằng lí lẽ và dẫn chứng tuy nhiên chưa phong phú: 1.5 điểm – 2.0 điểm. - Luận điểm không rõ ràng hoặc chưa phù hợp, lí lẽ sơ sài, dẫn chứng thiếu thuyết phục: 0.5 điểm - 1.0 điểm. - Không nêu được luận điểm về vấn đề nghị luận, lí lẽ chưa rõ ràng, dẫn chứng không phù hợp hoặc không có lí lẽ và dẫn chứng: 0 điểm 	
	<p>d. Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ; chỉ gạch xóa rất ít: 0,5 điểm. - Chữ viết rõ ràng, trình bày tương đối sạch sẽ; có một số chỗ gạch, xóa: 0,25 điểm. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc; bài văn trình bày chưa sạch sẽ: 0 điểm. 	0.5
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quan điểm hay cách nhìn mới và có chỗ diễn đạt độc đáo, sáng tạo: 0,5 điểm. - Có quan điểm mới hoặc có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo: 0,25 điểm. - Không có cái nhìn mới và không diễn đạt sáng tạo: 0 điểm. <p style="text-align: center;">TỔNG ĐIỂM: I + II = 10</p>	0.5

Lưu ý chung: Trên đây chỉ là những ý cơ bản thí sinh cần đáp ứng; việc cho điểm cụ thể, tổ Ngữ văn có thể thảo luận để thống nhất đáp án, giáo viên cần chú ý kĩ năng làm bài và sự sáng tạo của học sinh, tránh việc đếm ý cho điểm.

- Đề minh họa chỉ là một dạng đề trong đề cương. Các em cần bám sát đề cương ôn tập đầy đủ, rèn luyện kĩ năng trả lời đọc – hiểu và kĩ năng viết thật tốt. Chúc các em có kết quả cao trong bài kiểm tra cuối kì!